

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt)	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tên chương trình (Tiếng Anh)	: Business Administration
Tên ngành	: Quản trị kinh doanh
Mã ngành đào tạo	: 7340101
Trình độ đào tạo	: Đại học
Thời gian đào tạo	: 04 năm
Bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Loại hình đào tạo	: Chính quy, Vừa làm vừa học
Định hướng đào tạo	: Ứng dụng
Đơn vị giảng dạy	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Đơn vị quản lý chương trình	: Khoa Quản lý kinh doanh

### 1. Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra

#### 1.1. Mục tiêu đào tạo (PEO)

##### - Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh. Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin. Chương trình cung cấp cho người học những năng lực cần thiết về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, và giám sát các hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời, chương trình đào tạo con người có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức tự học, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và môi trường kinh doanh.

##### - Mục tiêu cụ thể

**PEO 1:** Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, có kiến thức cơ bản về khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý,

tạo nền tảng thuận lợi cho việc học, nghiên cứu chuyên sâu về quản trị kinh doanh.

**PEO 2:** Có kiến thức chuyên sâu ngành quản trị kinh doanh đáp ứng các nhiệm vụ chuyên môn, giải quyết các vấn đề thực tiễn như phân bổ nguồn lực, khởi sự kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị các nguồn lực của tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi trong công việc, nghiên cứu, tiếp cận dễ dàng với các thay đổi của môi trường kinh doanh.

**PEO 3:** Có các kỹ năng, phẩm chất và đạo đức của một nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực kinh doanh, tác phong chuyên nghiệp trong môi trường kinh doanh năng động, đa văn hóa. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong kinh doanh. Có kỹ năng đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp;

**PEO 4:** Có khả năng tự định hướng, tự học tập nâng cao trình độ và hiệu quả công việc, bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có tinh thần vì cộng đồng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong công việc.

## 1.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
		PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4
SO 1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 2	Sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ cho nhu cầu công việc kinh doanh, quản lý			<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 3	Vận dụng các quy luật kinh tế, cách ứng xử của các thành phần trong nền kinh tế và trong các tổ chức.	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 4	Áp dụng các kiến thức về xây dựng kế hoạch, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh hiệu quả.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 5	Sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ để phục vụ cho nhu cầu kinh doanh, quản lý và tự học, tự nâng cao trình độ.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 6	Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động các mảng hoạt động của doanh nghiệp và đề xuất		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo			
		PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4
	các giải pháp cải tiến chất lượng và tăng hiệu suất hoạt động;				
SO 7	Tư duy hệ thống và tư duy phản biện, tự tin và sẵn sàng tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc phù hợp với môi trường làm việc thực tế;		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 8	Giao tiếp, đàm phán, lãnh đạo và truyền thông hiệu quả trong kinh doanh, quản lý.	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 9	Làm việc với tính kỷ luật và trách nhiệm cao, thái độ làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp, luôn có tinh thần cầu tiến và cầu thị, năng động và sáng tạo;	<input checked="" type="checkbox"/>		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
SO 10	Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, có tinh thần vì cộng đồng, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

### 1.3. Tiêu chí đánh giá (PI)

Mã SO	Mã PI	Nội dung tiêu chí đánh giá
SO 1	PI 1.1	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội – nhân văn, chính trị, toán học và pháp luật nói chung để tiếp thu kiến thức ngành và chuyên ngành;
	PI 1.2	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm đối với nghề nghiệp, môi trường và xã hội.
SO 2	PI 2.1	Sử dụng máy tính thành thạo trong các kỹ năng soạn thảo, xử lý văn bản, xử lý bảng tính điện tử, tạo trình chiếu cũng như khai thác thông tin trên Internet
	PI 2.2	Sử dụng thành thạo phần mềm ứng dụng trong quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu công việc.
SO 3	PI 3.1	Vận dụng được các quy luật cơ bản và cách ứng xử của các thành phần trong nền kinh tế và trong các tổ chức, các nguyên tắc quản trị, hành vi tổ chức và hoạch toán kinh doanh của doanh nghiệp;
	PI 3.2	Ứng dụng tiến trình quản trị gồm: Hoạch định – Tổ chức – Lãnh đạo - Kiểm soát trong hoạt động quản trị kinh doanh;
SO 4	PI 4.1	Luận giải được kiến thức chuyên sâu về quản trị: Chiến lược; Nguồn nhân lực; Sản xuất – cung ứng; Marketing; Dự án; Tài chính doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế;
	PI 4.2	Xây dựng kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đồng thời đánh

<b>Mã SO</b>	<b>Mã PI</b>	<b>Nội dung tiêu chí đánh giá</b>
		giá và cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
	PI 4.3	Phát triển hệ thống thông tin quản lý, các hình thức thương mại và khả năng ứng dụng vào hoạt động quản trị doanh nghiệp, vận hành cung ứng sản phẩm, kinh doanh và quảng bá sản phẩm – dịch vụ;
SO 5	PI 5.1	Hiểu những điểm chính của văn bản rõ ràng bằng ngôn ngữ tiêu chuẩn, văn bản đó nói về các chủ đề kinh doanh và quản lý quen thuộc, trong bối cảnh công việc, học tập hay giải trí.
	PI 5.2	Tạo ra các văn bản đơn giản, mạch lạc về những chủ đề kinh tế, kinh doanh, quản lý.
	PI 5.3	Mô tả kinh nghiệm, sự kiện, mong muốn và nguyện vọng, cũng như giải thích ngắn gọn ý kiến hoặc giải thích kế hoạch với các chủ đề kinh tế, quản trị kinh doanh
SO6	PI 6.1	Phân tích tình huống và phát hiện các vấn đề trong hoạt động kinh doanh và quản lý
	PI 6.2	Đánh giá nguyên nhân, đề xuất và lựa chọn giải pháp tối ưu và triển khai giải pháp lựa chọn.
SO7	PI 7.1	Áp dụng tư duy hệ thống trong quản trị kinh doanh (đặt sự vật, hiện tượng trong môi trường quan hệ tương quan lẫn nhau, trong một tổng thể, một hệ thống).
	PI 7.2	Áp dụng tư duy phân biện trong giải quyết vấn đề kinh doanh và quản lý.
	PI 7.3	Áp dụng tư duy phát triển trong kinh doanh (tương lai và khai thác cơ hội, học hỏi liên tục, đối diện với rủi ro, sáng tạo, dẫn đầu xu hướng).
SO8	PI 8.1	Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp
	PI 8.2	Sử dụng khả năng, tố chất của bản thân để giúp hai hoặc nhiều bên đạt đến thỏa thuận thống nhất
	PI 8.3	Xem xét chi phí và lợi ích tương đối của các hành động tiềm năng để chọn hành động thích hợp nhất.
SO9	PI 9.1	Có đạo đức, thái độ, tác phong nhà quản trị chuyên nghiệp.
	PI 9.2	Kiên định với mục tiêu đã xác lập, hành động phù hợp với chuẩn mực văn hóa kinh doanh.
SO10	PI 10.1	Nhận thức ý nghĩa của thông tin mới đối với giải quyết vấn đề và ra quyết định hiện tại và tương lai, tự định hướng học tập phát triển chuyên môn, nghiệp vụ quản trị kinh doanh.
	PI 10.2	Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
	PI 10.3	Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

#### 1.4. Cơ hội việc làm

**Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại các tổ chức:**

- Các doanh nghiệp trong các lĩnh vực và các thành phần khác nhau;
- Cơ quan quản lý Nhà nước; các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- Cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

**Các vị trí việc làm sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có thể đảm nhận:**

1. Nhân viên kinh doanh	5. Nghiên cứu viên, giảng viên
2. Chuyên viên quản lý chất lượng và điều độ sản xuất	6. Trợ lý giám đốc
3. Chuyên viên hành chính nhân sự	7. Giám đốc
4. Chuyên viên nghiên cứu và phát triển thị trường.	8. Khởi nghiệp kinh doanh

#### 1.5. Phẩm chất chung của sinh viên tốt nghiệp HaUI

##### **KHẢ NĂNG CẢM THÔNG (EMPATHY)**

Cảm nhận được cảm xúc con người, hiểu người khác mà không phán xét

##### **NĂNG LỰC VƯỢT TRỘI (EXCEPTIONAL CAPABILITIES)**

Khả năng chuyên môn và năng lực vượt trội được chứng minh là các nhân tố quyết định cho thành công trong tương lai.

##### **KHẢ NĂNG SÁNG TẠO (CREATIVITY)**

Có nhân sinh quan mới lạ, biết tạo ra sự kết nối và tìm ra giải pháp

##### **TƯ DUY KHỞI NGHIỆP (ENTREPRENEURIAL MINDSET)**

Vượt qua thách thức, quyết đoán, biết nhận trách nhiệm, có tầm ảnh hưởng với xã hội.

##### **TINH THẦN LÃNH ĐẠO (LEADERSHIP SPIRIT)**

Khuyến khích và tạo ảnh hưởng tích cực với mọi người nhằm đạt mục tiêu chung.

#### 1.6. Triển vọng phát triển sự nghiệp cho sinh viên tốt nghiệp HaUI

<b>Sinh viên vừa tốt nghiệp</b>	<b>3-5 năm sau tốt nghiệp</b>	<b>5-10 năm sau tốt nghiệp</b>	<b>Trên 10 năm sau tốt nghiệp</b>
Cử nhân kinh tế đầu tư, chuyên viên nghiên cứu và phát triển cơ hội đầu tư.	Cử nhân kinh tế đầu tư, chuyên gia nghiên cứu và phát triển cơ hội đầu tư.	Quản lý bộ phận kế hoạch, chiến lược đầu tư kinh doanh.	Chuyên gia kế hoạch và chiến lược đầu tư (quản lý cấp cao)

<b>Sinh viên vừa tốt nghiệp</b>	<b>3-5 năm sau tốt nghiệp</b>	<b>5-10 năm sau tốt nghiệp</b>	<b>Trên 10 năm sau tốt nghiệp</b>
Cử nhân, chuyên viên lập, tổ chức thực hiện và quản lý kế hoạch, phương án/dự án đầu tư	Xây dựng, kế hoạch, phương án/dự án đầu tư Quản lý dự án đầu tư. Cử nhân	Quản lý kế hoạch, phương án/dự án đầu tư.	Chuyên gia/Quản lý điều hành cao cấp
Ứng tuyển vào các chương trình thạc sỹ hoặc tiến sỹ quốc tế.	Tốt nghiệp thạc sỹ/tiến sỹ tại các trường đại học hàng đầu thế giới.	Nghiên cứu sinh sau tiến sỹ/giảng viên	Giảng viên cơ hữu, giảng viên chính tại các trường đại học hàng đầu, trưởng nhóm nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu phát triển của doanh nghiệp lớn.

**2. Khối lượng giáo dục toàn khoá (tính bằng tín chỉ): 138 tín chỉ** (Không bao gồm số tín chỉ của khối giáo dục thể chất và Quốc phòng – An ninh)

### **3. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

### **4. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

### **5. Thang điểm**

Thang điểm chữ, thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

### **6. Khung chương trình**



STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/ TN	TL/ BTL	ĐA	TT		
<b>6.1</b>		<b>Giáo dục đại cương</b>	<b>42</b>		<b>41</b>	<b>0</b>			<b>1</b>	<b>0</b>
<b>6.1.1</b>		<b>Khoa học xã hội, nhân văn</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>6.1.1.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0	0	0	1	
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0	0	0	2	
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	0	0	3	
4	LP6013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	0	0	4	
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	0	0	5	
6	LP6003	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	0	0	2	
7	BS6018	Giao tiếp liên văn hóa	2	2	0	0	0	0	1	
8	BM6161	Văn hóa và Đạo đức kinh doanh	3	2	0	1	0	0	2	
<b>6.1.1.2</b>		<b>Tự chọn (Chọn 1 học phần trong mỗi nhóm sau)</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		



STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/	TL/	ĐA	TT		
					TN	BTL				
<b>Tc1</b>		<b>Nhóm 1</b>	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
9	BS6019	Nhập môn nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
10	BM6091	Quản lý dự án	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
11	BS6020	Quan hệ lao động và việc làm	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
12	BS6021	Con người và môi trường	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
<b>Tc2</b>		<b>Nhóm 2</b>	2	2	0	0	0		<b>1</b>	
13	BS6022	Âm nhạc đại cương	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
14	BS6023	Nghệ thuật học đại cương	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
15	BS6024	Đại cương mỹ thuật	2	2	0	0	0	0	<b>1</b>	
<b>6.1.2</b>	<b>Ngoại ngữ</b>	<b>Tự chọn 1 trong 4 Chương trình môn học Ngoại ngữ</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
		<b>Chương trình môn học tiếng Trung Quốc</b>								
16	FL6339	Tiếng Trung 1	5	5	0	0	0	0		
17	FL6340	Tiếng Trung 2	5	5	0	0	0	0		

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/ TN	TL/ BTL	ĐA	TT		
		<b>Chương trình môn học tiếng Hàn Quốc</b>								
18	FL6335	Tiếng Hàn 1	5	5	0	0	0	0		
19	FL6336	Tiếng Hàn 2	5	5	0	0	0	0		
		<b>Chương trình môn học tiếng Nhật</b>								
20	FL6337	Tiếng Nhật 1	5	5	0	0	0	0		
21	FL6338	Tiếng Nhật 2	5	5	0	0	0	0		
		<b>Chương trình môn học tiếng Anh</b>								
22	FL6345	Tiếng Anh thương mại 1	5	5	0	0	0	0	5	
23	FL6346	Tiếng Anh thương mại 2	5	5	0	0	0	0	6	
<b>6.1.3</b>		<b>Khoa học tự nhiên</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>6.1.3.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
24	BS6010	Giải tích	2	2	0	0	0	0	1	
25	BS6012	Lý thuyết xác suất	2	2	0	0	0	0	2	

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/ TN	TL/ BTL	ĐA	TT		
26	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		3	0			0	0
<b>6.1.3.2</b>	<b>TcQTKD2</b>	<b>Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	
27	BS6013	Mô hình toán	3	3	0	0	0	0		
28	BS6011	Kinh tế lượng	3	3	0	0	0	0		
<b>6.1.4</b>		<b>Giáo dục quốc phòng an ninh</b>	<b>8.5</b>				0	0		
29		Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/03/2020					0	0		
<b>6.1.5</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>4</b>				0	0		
30		Theo Quy định đào tạo GDTC ban hành kèm theo Quyết định số 957/QĐ-ĐHCN ngày 08/08/2016 của Trường ĐHCNHN					0	0		
<b>6.2</b>		<b>Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>81</b>	<b>58</b>	<b>14</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>4</b>		
<b>6.2.1</b>		<b>Cơ sở ngành</b>	<b>35</b>	<b>32</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>6.2.1.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>27</b>	<b>24</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
31	BM6162	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	1	0	1	0	0	1	

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/	TL/	ĐA	TT		
					TN	BTL				
32	BM6021	Kinh tế học vi mô	3	3	0	0	0	0	2	
33	BM6022	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	0	0	0	3	
34	BM6035	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	0	0	0	0	2	
35	AA6030	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0	0	0	3	
36	BM6057	Quản trị học	3	3	0	0	0	0	3	
37	BM6163	Thống kê trong kinh doanh	4	2	2	0	0	0	4	
38	LP6007	Pháp luật trong kinh doanh	3	3	0	0	0	0	3	
39	BM6037	Marketing căn bản	3	3	0	0	0	0	4	
<b>6.2.1.2</b>		<b>Tự chọn (chọn tối thiểu 8 TC)</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<b>TcQTKD31</b>	<b>Nhóm 31 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	
40	BM6075	Thị trường chứng khoán	3	3	0	0	0	0	5	
41	BM6048	Quản lý danh mục đầu tư	3	3	0	0	0	0	5	
42	BM6078	Thuế	3	3	0	0	0	0	5	

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/	TL/	ĐA	TT		
					TN	BTL				
	<b>TcQTKD32</b>	<b>Nhóm 32 (Chọn tối thiểu 2 tín chỉ)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	
43	BM6014	Hành vi tổ chức	2	2	0	0	0	0	6	
44	BM6015	Hệ thống thông tin quản lý	2	2	0	0	0	0	6	
45	BM6061	Quản trị rủi ro	2	2	0	0	0	0	6	
	<b>TcQTKD33</b>	<b>Nhóm 33 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	
46	BM6019	Kinh tế đầu tư	3	3	0	0	0	0	4	
47	BM6023	Kinh tế phát triển	3	3	0	0	0	0	4	
48	BM6024	Kinh tế và quản lý môi trường	3	3	0	0	0	0	4	
<b>6.2.2</b>		<b>Chuyên ngành</b>	<b>46</b>	<b>26</b>	<b>13</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>4</b>		
<b>6.2.2.1</b>		<b>Bắt buộc</b>	<b>37</b>	<b>23</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>4</b>		
49	BM6164	Quản trị doanh nghiệp	3	2	0	1	0	0	4	
50	BM6165	Khởi sự kinh doanh	3	1	2	0	0	0	7	
51	BM6166	Quản trị tác nghiệp	3	2	1	0	0	0	6	

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/	TL/	ĐA	TT		
					TN	BTL				
52	BM6064	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	1	2	0	0	0	5	
53	BM6059	Quản trị nhân lực	3	3	0	0	0	0	6	
54	BM6058	Quản trị marketing	3	3	0	0	0	0	5	
55	BM6051	Quản trị chất lượng	3	2	1	0	0	0	7	
56	BM6081	Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	4	0	0	0	0	4	6	
57	BM6168	Quản trị chuỗi cung ứng	3	3	0	0	0	0	7	
58	BM6017	Kinh doanh quốc tế	3	3	0	0	0	0	5	
59	BM6052	Quản trị chiến lược	3	3	0	0	0	0	7	
60	BM6071	Tin học ứng dụng quản trị kinh doanh	3	0	3	0	0	0	7	
<b>6.2.2.2</b>		<b>Tự chọn</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
	<b>TcQTKD41</b>	<b>Nhóm 41 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)</b>	3	2	0	1	0	0	7	
61	BM6170	<i>Quản trị logistics</i>	3	2	0	1	0	0	7	
62	BM6171	<i>Quản trị công ty</i>	3	2	0	1	0	0	7	

STT	Mã học phần	Khối giáo dục/Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ thành phần					Học kỳ	Mã Học phần tiên quyết
				LT	TH/	TL/	ĐA	TT		
					TN	BTL				
63	BM6172	Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp	3	2	0	1	0	0	7	
64	BM6169	Quản trị dự án	3	2	0	1	0	0	7	
	<b>TcQTKD42</b>	<b>Nhóm 42 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)</b>	3	0	3	0	0	0	<b>6</b>	
65	BM6010	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	3	0	3	0	0	0	<b>6</b>	
66	BM6085	Thương mại điện tử	3	0	3	0	0	0	<b>6</b>	
	<b>TcQTKD43</b>	<b>Nhóm 43 (Chọn tối thiểu 2 tín chỉ)</b>	3	1	2	0	0	0	<b>7</b>	
67	BM6027	Kỹ năng lãnh đạo	3	1	2	0	0	0	<b>7</b>	
68	BM6026	Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế	3	1	2	0	0	0	<b>7</b>	
<b>6.3</b>		<b>Thực tập doanh nghiệp và đồ án/khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>6</b>		
69	BM6083	Thực tập doanh nghiệp	6	0	0	0	0	6	<b>8</b>	
70	BM6029	Đồ án/khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	0	9	0	<b>8</b>	





## 7. Kế hoạch giảng dạy và lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
SO 1	PI 1.1	Triết học Mác-Lênin (T); Giải tích(T); Nhập môn quản trị kinh doanh(T); Luật kinh tế Thuế(T);	Kinh Văn hóa và Đạo đức kinh doanh(T); Kinh tế chính trị Mác-Lênin(T); ; Pháp luật đại cương(T); Lý thuyết xác suất(T);	Chủ nghĩa xã hội khoa học(T); Đại số tuyến tính (T); Phương pháp nghiên cứu khoa học(T); Mô hình toán(T); Kinh tế lượng(T);	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam(T);	Tư tưởng Hồ Chí Minh(T);			
	PI 1.2	Nhập môn quản trị kinh doanh (T);		Phương pháp nghiên cứu khoa học (I)				Kỹ năng lãnh đạo(T);	
SO 2	PI 2.1			Phương pháp nghiên cứu khoa học (I)				Tin học ứng dụng quản trị kinh doanh (U)	Thực tập doanh nghiệp(U) Đồ án/khóa luận tốt nghiệp(U)
	PI 2.2	Thống kê trong kinh doanh	Văn hóa và Đạo đức kinh doanh					Tin học ứng dụng quản trị kinh doanh	
SO 3	PI 3.1		Kinh tế học vi mô Lý thuyết tài chính tiền tệ	Kinh tế học vĩ mô Nguyên lý kế toán Pháp luật	Quản trị học Thống kê trong kinh doanh	Thuế	Hành vi tổ chức		

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
				trong kinh doanh	Marketing căn bản Kinh tế đầu tư Kinh tế phát triển Kinh tế và quản lý môi trường				
	PL3.2				Quản trị học Quản trị doanh nghiệp	Quản trị tài chính doanh nghiệp Quản trị marketing	Hệ thống thông tin quản lý Quản trị rủi ro Quản trị tác nghiệp Quản trị nhân lực Dự toán ngân sách doanh nghiệp Thương mại điện tử	Quản trị chất lượng Quản trị chuỗi cung ứng Quản trị chiến lược Quản trị dự án Quản trị logistics Quản trị công ty	Thực tập doanh nghiệp Đồ án/khóa luận tốt nghiệp
SO4	PI4.1					Quản trị tài chính doanh nghiệp Quản trị marketing	Quản trị tác nghiệp Quản trị nhân lực	Quản trị chất lượng Quản trị chuỗi cung ứng	Thực tập doanh nghiệp Đồ án/khóa luận tốt nghiệp

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
							Dự toán ngân sách doanh nghiệp Thương mại điện tử	Quản trị chiến lược Quản trị dự án Quản trị logistics Quản trị công ty	
	PI4.2.				Quản trị học	Quản trị doanh nghiệp Quản trị tài chính doanh nghiệp Quản trị marketing	Quản trị tác nghiệp Quản trị nhân lực Dự toán ngân sách doanh nghiệp	Quản trị chuỗi cung ứng Quản trị chất lượng Quản trị chiến lược Quản trị dự án Quản trị logistics Quản trị công ty	Thực tập doanh nghiệp Đồ án/khóa luận tốt nghiệp
	PI4.3					Quản trị marketing	Hệ thống thông tin quản lý Thương mại điện tử	Quản trị chuỗi cung ứng	
	PI5.1.					Tiếng Anh thương mại 1	Tiếng Anh thương mại 2 Thực tập cơ sở ngành	Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký	Thực tập doanh nghiệp Đồ án/khóa luận tốt nghiệp

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
							quản trị kinh doanh	kết hợp đồng kinh tế	
SO 5	PI5.2				Khởi sự kinh doanh	Tiếng Anh thương mại 1	Tiếng Anh thương mại 2 Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp
	PI5.3				Khởi sự kinh doanh	Tiếng Anh thương mại 1	Tiếng Anh thương mại 2	Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp
SO 6	PI6.1				Marketing căn bản Kinh tế đầu tư Kinh tế phát triển Kinh tế và quản lý môi trường		Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Quản trị chiến lược Quản trị dự án Kỹ năng lãnh đạo	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
	PI6.2						Quản trị rủi ro Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Quản trị chiến lược	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp
SO7	PI7.1						Quản trị rủi ro Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Quản trị chiến lược Kỹ năng lãnh đạo	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp
	PI7.2						Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Kỹ năng lãnh đạo	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp
	PI7.3				Quản trị doanh nghiệp	Kinh doanh quốc tế	Quản trị rủi ro	Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp Kỹ năng lãnh đạo	Thực tập doanh nghiệp Đề án/khóa luận tốt nghiệp
SO 8	PI8.1						Quản trị chiến lược Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký		

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8
								kết hợp đồng kinh tế	
	PI8.2						Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp	Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế	
	PI8.3		Kinh tế học vi mô	Phương pháp nghiên cứu khoa học Kinh tế học vĩ mô		Thuế Kinh doanh quốc tế	Quản trị dự án Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp Dự toán ngân sách doanh nghiệp		
SO9	PI9.1	Nhập môn quản trị kinh doanh	Văn hóa và Đạo đức kinh doanh			Khởi sự kinh doanh Quản trị công ty Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hành vi tổ chức Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng kinh tế	
	PI9.2		Văn hóa và Đạo đức kinh doanh	Marketing căn bản		Khởi sự kinh doanh Tư tưởng Hồ Chí Minh		Quản trị chiến lược Kỹ năng lãnh đạo Kỹ năng đàm phán và ký	

Mã CDR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 3	Học kỳ 4	Học kỳ 5	Học kỳ 6	Học kỳ 7	Học kỳ 8	
								kết hợp đồng kinh tế		
SO 10	PI 10.1			Phương pháp nghiên cứu khoa học Mô hình toán Kinh tế lượng	Khởi sự kinh doanh Quản trị marketing			Hệ thống thông tin quản lý	Thực tập doanh nghiệp Đồ án/khóa luận tốt nghiệp	
	PI 10.2							Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Quản trị tác nghiệp Kỹ năng đàm phán và kỹ kết hợp đồng kinh tế	Thực tập doanh nghiệp Đồ án/khóa luận tốt nghiệp
	PI 10.3	Nhập môn quản trị kinh doanh	Pháp luật đại cương		Luật kinh tế			Thực tập cơ sở ngành quản trị kinh doanh	Quản trị dự án Kỹ năng lãnh đạo	
Học phần tự chọn		BS6019 BM6091 BS6020 BS6021 BS6022 BS6023 BS6024			BM6019 BM6023 BM6024	BM6075 BM6048 BM6078	BM6014 BM6015 BM6061 BM6010 BM6085	BM6027 BM6026 Quản trị logistics Quản trị công ty Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp Quản trị dự án		
Học phần khác										





## **7. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **7.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo**

- Thời gian khóa học được tính theo năm học, học kỳ, và theo tuần;
- Thời gian khóa học theo tích lũy tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo;

- Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học, thời gian thi, kiểm tra kết thúc học phần. Thời gian thực học được tính bằng thời gian tổ chức học tập các học phần. Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, lễ, tết, lao động và dự phòng;

- Thời gian học tập được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ, cụ thể như sau:

① Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

② Đối với hoạt động dạy học trên lớp (kể cả lớp học trực tuyến), một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận.

③ Đối với hoạt động hướng dẫn đồ án/dự án, tiểu luận, bài tập lớn, thực tập/kiến tập/tham quan tại cơ sở, đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận án, luận văn, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 45 giờ hướng dẫn.

④ Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.

### **7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa**

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

### **7.3. Hướng dẫn đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ**

- Đánh giá thường xuyên do giáo viên giảng dạy học phần thực hiện được quy định trong đề cương chi tiết học phần thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 45 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Đánh giá giữa kỳ được quy định trong chương trình học phần có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 tới 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra đánh giá khác;

- Hình thức đánh giá cuối kỳ có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp các hình thức trên. Thời gian làm bài thi viết từ 60-120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác do hiệu trưởng quyết định;

- Lịch thi phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 3 ngày;

- Danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được thông báo công khai trước ngày thi ít nhất 2 ngày.

#### **7.4. Quy định thời gian có mặt trên lớp và tổ chức đánh giá cuối kỳ**

##### **a) Quy định thời gian có mặt trên lớp**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành tại trường Đại học công nghiệp Hà Nội.

##### **b) Tổ chức đánh giá cuối kỳ**

- Cuối học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính để thi kết thúc học phần.
- Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi chính kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.
- Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trường khoa quản lý sinh viên cho phép, được dự thi ở kỳ thi bổ sung do Trung tâm Khảo thí tổ chức. Thời gian tổ chức đợt thi bổ sung do Trung tâm Khảo thí quy định nhưng phải đảm bảo hoàn thành kết quả thi đợt bổ sung trước khi xét học tiếp, xét tốt nghiệp (áp dụng cho học kỳ cuối khóa) 01 tuần. Sinh viên không tham dự kỳ thi bổ sung sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

#### **7.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình trung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Hoàn thành các môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ và các môn học thuộc chương trình Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo quy định của Trường;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.